

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN A  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020 /HS-ST.

Ngày: 10/12/2020.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông P.L.L.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông T.Đ.P.

2. Bà N.T.D.

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà N.T.K.H – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Ông P.X.D – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2020/TLST-HS, ngày 19 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **L.Đ.K**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 10/6/1994, tại: A, B; Nơi cư trú: Đ.K, C.L, A, B; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: L.Đ.P, SN: 1953 và bà: Đ.T.T, SN: 1961; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 05/10/2020 cho đến nay. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

**\* Người bị hại:**

- Bà N.T.L; sinh năm: 1955. (*Có mặt*)

Địa chỉ: Thôn T.P, xã C.L, huyện A, tỉnh B.

**\* Người làm chứng:**

- Ông Đ.H.Đ; sinh năm : 1985.(Vắng mặt)  
Địa chỉ: Thôn P.T, TT. P.M, huyện P.M, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 14 giờ ngày 04/10/2020, L.Đ.K đi ngang qua nhà bà N.T.L ở thôn T.P, xã C.L, huyện A, tỉnh B. Thấy trong sân có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen biển số kiểm soát 19A-129.71, chìa khóa còn sẵn trong xe nhưng không có người trông coi K liền nảy sinh ý định lấy trộm xe bán lấy tiền trả nợ. K vào sân dắt xe ra ngoài rồi nổ máy điều khiển xe chạy xuống thị trấn N.M, huyện A ngồi nhậu một mình. Đến khoảng 17h cùng ngày, K điều khiển xe mô tô ra xã M.H, huyện P.M để tìm nơi tiêu thụ nhưng không được nên đi uống cà phê và ngủ tại ghế đá trước trụ sở UBND xã M.H. Sáng ngày 05/10/2020 Kiệt điều khiển xe đến tiệm sửa xe “Honda Đạt” ở thôn C, xã M.H, huyện P.M gặp anh Đ.H.Đ chủ tiệm để gạ hỏi thể chấp xe mô tô lấy 2.000.000đ. Do K không có giấy tờ xe nên anh Đ nghi ngờ K lấy trộm xe và báo cáo Công an xã M.H bắt giữ K cùng vật chứng.

Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A ngày 09/10/2020:

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius dung tích xi lanh 110cm<sup>3</sup>, màu đỏ đen, biển số 19A-129.71, số máy 5C64721975, số khung C640CY721984, đăng ký lần đầu ngày 14/3/2012, tại thời điểm bị trộm cắp tài sản có giá trị là 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm ngàn đồng)

Vật chứng vụ án: Thu giữ 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát 19A-129.71 đã được xử lý trả lại cho người bị hại N.T.L.

Về dân sự : Sau khi nhận được tài sản bà N.T.L không có yêu cầu gì thêm và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

*Tại bản cáo trạng số: 32/CT-VKSPC, ngày 18/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo L.Đ.K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo L.Đ.K về tội: “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015 và không có bổ sung gì thêm.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của BLHS để xử phạt bị cáo L.Đ.K với mức án từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 05/10/2020.

Trong phần tự bào chữa, bị cáo L.Đ.K đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toàn bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo trước tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

Lợi dụng sự sơ hở của bà N.T.L đã để xe mô tô trong sân nhà nhưng không rút chìa khóa và không có người trông coi. L.Đ.K đã lén lút lấy trộm được xe mô tô loại Yamaha Sirius biển số kiểm soát 19A-129.71 trị giá 9.500.000đ vào khoảng 14h ngày 04/10/2020 tại nhà bà N.T.L ở T.P, C.L, A, B rồi điều khiển xe đi tìm nơi tiêu thụ.

[3]. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của bị cáo đã thực hiện, hậu quả thiệt hại đã xảy ra, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố bị cáo L.Đ.K về tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo L.Đ.K phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, do đó cần phải xét xử bị cáo với mức án nghiêm minh nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

[4].Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng: Bị cáo L.Đ.K không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đồng thời được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như sau: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo K đã có thái độ thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, bị cáo chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hậu quả của vụ án đã được khắc phục kịp thời, quan hệ giữa gia đình bị cáo với bị hại cũng quen biết do đó người bị hại cũng tha thiết đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để HĐXX cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với bị cáo .

[5].Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp khác:

[5.1]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại bà N.T.L đã nhận lại tài sản chiếm đoạt và không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[5.2]. Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã thu 01 (Một) xe mô tô biển số kiểm soát 19A-129.71 đã được xử lý trả lại cho bị hại xong và bà N.T.L không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[6].Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1].Tuyên bố: Bị cáo L.Đ.K phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

[2].Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo L.Đ.K 08 (Tám) tháng tù .Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam: 05/10/2020.

[3].Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không.

[4].Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo L.Đ.K phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí HSST sung vào ngân sách nhà nước.

[5]. Quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A (02b);
- CA huyện A;
- Phòng Hồ sơ NVCS CA huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**P.L.L**